TÒA ÁN QUÂN SỰ KHU VỰC QUÂN KHU 1	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 10/2024/HS-ST
Ngày 18/6/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN QUÂN SỰ KHU VỰC QUÂN KHU 1

***- Thành phần Hội đồng xét xử (HĐXX) sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: 1// Vũ Quang Cương.

Các Hội thẩm quân nhân:

2// Đằng Văn Phúc;

1// Tống Văn Thảo.

***- Thư ký phiên tòa*:** 3/ Lê Xuân Quang, Thư ký Tòa án quân sự Khu vực Quân khu 1.

***- Đại diện Viện kiểm sát quân sự Khu vực 11, Quân khu 1 tham gia phiên tòa*:** 3/ Nguyễn Ngọc Thập, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2024, tại Phòng xử án Tòa án quân sự Khu vực Quân khu 1, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 04/2024/TLST-HS ngày 12 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2024/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 5 năm 2024 và các Quyết định hoãn phiên tòa số 200/2024/HSST-QĐ ngày 16 tháng 5 năm 2024, số 210/2024/HSST-QĐ ngày 23 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo:

Ma Văn G, sinh ngày 20 tháng 11 năm 1990, tại xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang; nơi cư trú: Thôn V, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 9; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ma Văn B và bà Nông Thị T; có vợ đã ly hôn, có 02 con (con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2017); tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, chưa bị xử lý vi phạm hành chính hay bị xử lý kỷ luật lần nào; bị bắt, tạm giam từ ngày 27/5/2024 đến nay tại Trại Tạm giam QK1; có mặt.

- *Bị hại*: Hộ gia đình ông Ma Văn Q; nơi cư trú: Thôn G, xã P1, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Người đại diện theo ủy quyền của bị hại: Anh Ma Văn Đ, sinh ngày 07/7/1991; nghề nghiệp: Lao động tự do; nơi cư trú: Thôn G, xã P1, huyện L, tỉnh Bắc Giang; có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Vi Văn Đ1, sinh năm 1982, nghề nghiệp: Làm ruộng; nơi cư trú: Thôn T1, xã S1, huyện L, tỉnh Bắc Giang; có mặt.

2. Hoàng Ngọc H, sinh năm 1984; nghề nghiệp: Lao động tự do; nơi cư trú: Thôn N, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- *Những người làm chứng*:

1. Nguyễn Văn C; vắng mặt.

2. Vi Văn N; vắng mặt.

3. Vi Văn S; vắng mặt.

4. Nông Thị T; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 20/10/2023, bị cáo Ma Văn G điều khiển xe mô tô biển kiểm soát (BKS) 98E1-173.23 của gia đình mang theo ngô, dây chạc đi từ nhà đến bãi chăn thả ngựa tại thôn N, xã P1, huyện L, tỉnh Bắc Giang thuộc khu vực Trường bắn Quốc gia TB1 với mục đích trộm cắp tài sản. Bị cáo quan sát thấy đàn ngựa không có người trông coi, lấy ngô nhử 01 con ngựa bạch đang có chửa (ngựa bạch) rồi dùng dây chạc buộc vào mặt ngựa, dắt ngựa ra ngã ba C1 xã P và sử dụng điện thoại liên hệ, bán ngựa cho Vi Văn Đ1 với giá 39.000.000 đồng. Vi Văn Đ1 mua ngựa từ bị cáo và bán lại cho anh Hoàng Ngọc H. Sau khi biết ngựa bạch do bị cáo trộm cắp mà có, Vi Văn Đ1 đã mua lại ngựa bạch từ H và giao lại cho cơ quan chức năng trả lại cho gia đình bị hại. Kết luận định giá tài sản số 175/KL-HĐĐGTS ngày 29/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang xác định con ngựa bạch bị cáo chiếm đoạt có giá trị 72.000.000 đồng.

Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 điện thoại của bị cáo; thu giữ và trả lại 01 điện thoại di động của Vi Văn Đ1; thu giữ và trả lại xe mô tô BKS 98E1-173.23 cho bà Nông Thị T.

Tại phiên tòa, bị cáo khai: Bị cáo biết người dân địa phương chăn thả ngựa tại khu vực Trường bắn không có người trông coi, đến tối mới lùa về nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản; bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp ngựa, bán ngựa như tóm tắt nội dung vụ án nêu trên; khi bán ngựa cho anh Đ1, bị cáo nói ngựa là của gia đình, bị cáo nhận thức mình có nghĩa vụ bồi thường cho anh Đ1, nhưng do số tiền bán ngựa đã tiêu sài cá nhân hết, hiện nay không có tiền trả. Bị cáo biết mình sai khi không chấp hành quyết định triệu tập của Tòa án nên bị bắt tạm giam.

Đại diện của bị hại khai: Bị cáo là người trộm ngựa của gia đình. Gia đình đã nhận lại ngựa nên không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm, đề nghị xử phạt bị cáo theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án khai: Vì nhà bị cáo nuôi ngựa nên tôi (Đ1) tưởng ngựa của bị cáo nên đã mua lại, tôi yêu cầu bị cáo bồi hoàn số tiền 39.000.000 đồng, các chi phí khác không yêu cầu.

Người làm chứng Nông Thị T khai: Ngày 20/10/2023 bị cáo lấy xe của tôi (T) đi đâu, làm gì tôi không biết. Từ khi vợ chồng bị cáo ly hôn, tôi cùng chồng đang nuôi 02 con của bị cáo.

Tại quá trình điều tra người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Hoàng Ngọc H khai không biết con ngựa mua từ Vi Văn Đ1 là tài sản do trộm cắp mà có, tôi (H) không yêu cầu ai phải bồi thường các chi phí liên quan đến mua bán, nuôi ngựa. Những người làm chứng Nguyễn Văn C, Vi Văn N, Vi Văn S khai: Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 20/10/2023 nhìn thấy bị cáo Ma Văn G đi bộ, một mình dắt theo 01 con ngựa bạch đang có chửa đi từ Trường bắn ra ngã ba thôn C1, xã P. Khi được hỏi thì Ma Văn G nói là đang đi chăn ngựa.

Biên bản dựng lại hiện trường, sơ đồ, bản ảnh lập hồi 10 giờ 30 phút ngày 20/12/2023 của Cơ quan Điều tra hình sự Khu vực 4 QK1 xác định: Hiện trường vụ án Ma Văn G nhử bắt ngựa, buộc ngựa xảy ra ngày 20/10/2023 thuộc Trường bắn Quốc gia TB1.

Tại Cáo trạng số 03/CT-VKSQSKV11 ngày 11/4/2024 của Viện kiểm sát quân sự Khu vực 11 đã truy tố Ma Văn G về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự (BLHS). Tranh luận tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung quyết định truy tố đối với bị cáo theo Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX): Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 38 BLHS xử phạt bị cáo từ 4 năm đến 4 năm 6 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bị bắt tạm giam. Buộc bị cáo phải bồi thường số tiền 39.000.000 đồng cho Vi Văn Đ1. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS) tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 điện thoại của bị cáo dùng vào việc phạm tội. Bị cáo phải chịu án phí hình sự, án phí dân sự theo quy định pháp luật.

Bị cáo cho rằng thiệt hại của vụ án bằng không, bị cáo vô tình, chẳng may lấy trộm ngựa của bị hại; mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị là quá nặng, đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện theo ủy quyền của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Vi Văn Đ1 nhất trí với quan điểm của Kiểm sát viên.

Kiểm sát viên đối đáp quan điểm của bị cáo: Hành vi của bị cáo đã gây thiệt hại cho bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án do họ đã bỏ ra các chi phí liên quan đến chăn nuôi, vận chuyển ngựa, nhưng họ không yêu cầu bị cáo bồi thường. Bị cáo cho rằng vô tình, chẳng may lấy trộm ngựa của bị

hại là không có căn cứ, bị cáo và gia đình không nuôi con ngựa bạch có chửa nào. Kiểm sát viên giữ nguyên lời luận tội.

Nói lời sau cùng, bị cáo nhận thức mình sai, mong được tại ngoại để về thăm con, mong HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Công an xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Cơ quan Điều tra hình sự Khu vực 4 QK1, Điều tra viên; Viện Kiểm sát quân sự Khu vực 11, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Như vậy, có cơ sở để khẳng định các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó HĐXX có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 15 giờ ngày 20/10/2023, tại Trường bắn Quốc gia TB1, bị cáo Ma Văn G đã lợi dụng việc chăn thả ngựa không có người trông coi, lén lút thực hiện hành vi chiếm đoạt 01 (một) con ngựa bạch đang có chửa của hộ gia đình bị hại Ma Văn Q. Giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 72.000.000 đồng. Vì vậy, hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 173 BLHS, đề nghị của Viện kiểm sát quân sự Khu vực 11 là có căn cứ.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải" theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Tuy nhiên, mức độ ăn năn hối cải còn hạn chế do bị cáo chưa bồi hoàn khắc phục hậu quả; quá trình chuẩn bị xét xử, bị cáo không chấp hành việc triệu tập của Tòa án. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

HĐXX xét thấy hành vi của bị cáo là nghiêm trọng, gây nguy hiểm cho xã hội được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, xâm phạm tới quyền sở hữu tài sản của bị hại, của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, đồng thời gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự địa phương. Bị cáo chưa bồi hoàn khắc phục hậu quả, không chấp hành việc triệu tập của Tòa án, có ý thức coi thường

pháp luật. Do vậy cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát để giáo dục, cải tạo bị cáo. Tuy nhiên, HĐXX xét thấy hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, có hai con còn nhỏ nên xem xét giảm nhẹ hình phạt, tạo điều kiện cho bị cáo cải tạo tốt, sớm hòa nhập cộng đồng, trở thành công dân có ích cho xã hội và chăm sóc các con còn nhỏ.

[4] Về bồi thường thiệt hại và trách nhiệm dân sự:

Bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt; bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Hoàng Ngọc H không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm nên HĐXX không xem xét giải quyết. Giao dịch bán ngựa giữa bị cáo và Vi Văn Đ1 vô hiệu do bị cáo đã lừa dối. Căn cứ Điều 131 Bộ luật Dân sự, bị cáo có nghĩa vụ hoàn trả số tiền 39.000.000 đồng cho anh Đ1 và bồi thường thiệt hại. Anh Đ1 yêu cầu bị cáo hoàn trả 39.000.000 đồng và không có yêu cầu gì khác nên HĐXX buộc bị cáo phải hoàn trả số tiền 39.000.000 đồng cho Vi Văn Đ1.

[5] Về xử lý vật chứng:

Ghi nhận Công an xã P đã trả lại cho bị hại 01 con ngựa bạch; ghi nhận Cơ quan Điều tra hình sự Khu vực 4 QK1 đã trả lại cho Vi Văn Đ1 01 điện thoại di động; trả lại cho bà Nông Thị T 01 xe mô tô BKS 98E1-173.23 do bà T không biết bị cáo dùng xe vào việc phạm tội là đúng quy định pháp luật.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS, điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 điện thoại nhãn hiệu Vivo là công cụ, phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội. Chiếc điện thoại có đặc điểm theo Biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ ngày 30 tháng 11 năm 2023, hiện đang được lưu giữ tại Phòng Thi hành án QK1.

[6] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 của Quốc hội; Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo Ma Văn G phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.950.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch được tính trên 5% số tiền bị cáo phải bồi hoàn (5% x 39.000.000 đồng = 1.950.000 đồng).

Vì các lẽ trên, căn cứ điểm g khoản 2 Điều 260 BLTTHS,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình sự:

Tuyên bố bị cáo Ma Văn G phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Ma Văn G 04 (bốn) năm tù, thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị bắt, tạm giam (ngày 27/5/2024).

2. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Ma Văn G phải hoàn trả cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Vi Văn Đ1 số tiền 39.000.000 (ba mươi chín triệu) đồng.

Áp dụng Điều 357 Bộ luật Dân sự, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được bồi hoàn nếu bên có nghĩa vụ thi hành án chậm trả tiền thì họ còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

3. Về Xử lý vật chứng:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại của bị cáo dùng vào việc phạm tội. Chiếc điện thoại có đặc điểm theo Biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ ngày 30 tháng 11 năm 2023.

4. Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo Ma Văn G phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 1.950.000 (một triệu chín trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo đối với bản án:

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 18/6/2024) bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa và trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này lên Toà án quân sự Quân khu 1./.

Nơi nhận:
- Phòng GĐKT/TAQSTW;
- Văn phòng/TAQSTW (Qlý. LLTP);
- VKSQSQK1;
- VKSQSKV11 (02b);
- PTHAQK1;
- CQTHAHSQK1;
- CQĐTHSKV4,QK1;
- Trại tạm giam, QK1;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QL, NVLQĐVA (02b);
- Hồ sơ vụ án (02b);
- Lưu: Hồ sơ THAHS; Cg16b.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

1// Vũ Quang Cương